

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2024/HNGĐ-PT

Ngày: 25-01-2024

V/v: “tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Quyền

*Các Thẩm phán:* Bà Phan Thị Hồng Dung

Bà Lê Thị Minh Trang

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Thị Hoàng Oanh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ** tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Hồng Phil - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 35/2023/TLPT-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2023 về việc “tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn”.

Do bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 87/2023/HNGĐ-ST ngày 20/09/2023 của Tòa án nhân dân quận Ô Môn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 09/2024/QĐPT-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thanh H, sinh năm 1984; Địa chỉ: Khu V, phường C, quận Ô, thành phố Cần Thơ. Có mặt

**- Người đại diện theo uỷ quyền:** ông Lê Văn P, sinh năm 1970; Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện V, thành phố Cần Thơ (Văn bản uỷ quyền ngày 18/01/2024). Có mặt

**Bị đơn:** Ông Trần Minh S, sinh năm 1982; Địa chỉ: Khu V, phường C, quận Ô, thành phố Cần Thơ. Có mặt

**Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Trần Văn C, sinh năm 1950

2. Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1947

Cùng địa chỉ: Đ: Khu V, phường C, quận Ô, Tp Cần Thơ. Cùng có mặt

**Người kháng cáo:** Nguyên đơn bà H, bị đơn ông S, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông C và bà H1.

**Viện kiểm sát Kháng nghị:** Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận Ô Môn

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nguyên đơn bà Nguyễn Thanh H trình bày và yêu cầu:*

Bà Nguyễn Thanh H và ông Trần Minh S trước đây là vợ chồng, đăng ký kết hôn vào ngày 12/02/2007 tại UBND phường C, quận Ô, thành phố Cần Thơ, ly hôn vào ngày 24/02/2022 theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn giữa các đương sự số 40/2022/QĐST-HNGĐ của Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ, không giải quyết về chia tài sản chung. Nay bà H khởi kiện yêu cầu ông S chia 50% giá trị tài sản chung, cụ thể:

- Nhà và đất tại thửa 581, diện tích 103 m<sup>2</sup>, loại đất ODT, tại khu vực 2, phường C, quận Ô, thành phố Cần Thơ. Bà H yêu cầu được nhận giá trị 1.032.086.000đ.

Về nguồn gốc thửa đất 581 là của vợ chồng bà mua lại của cha mẹ chồng là ông Trần Văn C và bà Nguyễn Thị H1. Về căn nhà trên thửa đất là do vợ chồng bà bỏ tiền ra xây dựng từ năm 2019.

- Giá trị thửa đất 400, diện tích 68,3 m<sup>2</sup> (Đất ở đô thị), đất tọa lạc tại số I N, khu phố D, Phường A, thành phố M, tỉnh Tiền Giang. Yêu cầu được chia 50% giá trị tương đương số tiền 390.000.000đ.

*\* Bị đơn ông Trần Minh S, cùng người đại diện trình bày có nội dung như sau:*

Không đồng ý yêu cầu của nguyên đơn, vợ chồng trước khi ly hôn chỉ sống vào đồng lương nhà nước, không tạo lập được các tài sản như bà H đã nêu. Khi ly hôn, bà H đã mang theo 01 xe Honda SH, 01 xe đạp điện, 01 bộ ghế sofa, 01 tủ ly lớn cùng ly, chén, tô, đĩa; 01 tivi Sonny 50in, 01 tủ lạnh 400 lit...

Về thửa đất 581 là của cha mẹ ông cho riêng cá nhân ông, về căn nhà trên thửa đất do cha mẹ ông bỏ tiền ra xây dựng, cha mẹ ông có đưa tiền cho bà H để thuê thợ xây dựng, vợ chồng không có bỏ tiền ra xây dựng.

Đối với thửa đất số 400, ông mua dùm và đứng tên dùm cho cha mẹ ông, cha mẹ ông có chuyển tiền cho ông để trả tiền mau đất, ông đã chuyển nhượng thửa đất 400 cho người khác với giá 780.000.000đ và trả lại số tiền này cho cha mẹ.

*\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn C và bà Nguyễn Thị H1 có yêu cầu độc lập:*

- Yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông C với ông S ngày 02/02/2015 đối với thửa đất 581 nêu trên, vì phần đất này cho ông C tặng cho riêng ông S, đồng thời phần đất này ông S có thỏa thuận với bà H là tài sản riêng của ông S.

- Yêu cầu bà H trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Trần Minh

S đứng tên sử dụng. Đồng thời yêu cầu bà H trả lại cho ông C bản vẽ căn nhà và giấy phép xây dựng nhà đang ở tọa lạc tại số G, khu V, phường C, quận Ô.

- Đối với diện tích đất thừa số 400, do vợ chồng ông nhận chuyển nhượng và nhờ ông S đứng tên hộ, không phải là tiền của ông S và bà H.

*Tại bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 87/2023/HNGĐ-ST ngày 20/09/2023 của Tòa án nhân dân quận Ô Môn đã quyết định:*

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc ông S có nghĩa vụ thối lại giá trị của căn nhà cất trên thửa đất số 581, với giá trị 251.642.500 đồng và thối lại giá trị thửa đất số 400 là 390.000.000 đồng. Tổng cộng ông S phải thối lại giá trị tài sản chung cho bà H là **641.642.500** đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chia giá trị thửa đất số 581, tờ bản đồ số 03, diện tích 103 m<sup>2</sup>.

3. Buộc bà H trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: Y 517340, sổ vào sổ cấp giấy 00463/QSDĐ, do UBND quận Ô cấp cho ông Trần Văn C ngày 17/02/2004, đã chỉnh lý sang tên cho ông Trần Minh S ngày 05/02/2015 và trả lại giấy phép xây dựng cũng các giấy tờ có liên quan đến căn nhà trên thửa đất 581 cho ông Trần Minh S.

4. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của ông Trần Văn C.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí thẩm định, định giá, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

*Sau khi xét xử sơ thẩm,*

- Ngày 03/10/2023, nguyên đơn Nguyễn Thị H2 kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, chia đôi giá trị nhà đất tại thửa 581; Ngày 30/9/2023, ông Trần Minh S kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Ngày 28/9/2023, ông Trần Văn C và bà Nguyễn Thị H1 kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, chấp nhận yêu cầu độc lập của người liên quan.

- Ngày 03/10/2023, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận Ô Môn kháng nghị yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu chia 50% giá trị của thửa đất 400 tại tỉnh Tiền Giang.

*Tại phiên tòa phúc thẩm:*

- Các đương sự tự nguyện thỏa thuận như sau:

Ông Trần Minh S có nghĩa vụ thanh toán giá trị tài sản chung cho bà Nguyễn Thanh H số tiền 350.000.000đ.

Ông Trần Minh S được toàn sử dụng thửa đất số 581, quyền sở hữu các tài sản gắn liền trên thửa đất 581.

Sau khi ông Trần Minh S thanh toán xong số tiền nêu trên cho bà Nguyễn Thanh H thì bà Nguyễn Thanh H có trách nhiệm trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: Y 517340 và trả lại giấy phép xây dựng cũng các giấy tờ có liên quan đến căn nhà trên thửa đất 581 cho ông Trần Minh S.

Ông C, bà H1 thống nhất việc ông S và bà H tự nguyện thỏa thuận, thống nhất rút yêu cầu độc lập.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến tại phiên tòa:

Các đương sự tự nguyện thỏa thuận với nhau việc giải quyết vụ án, sự tự nguyện thỏa thuận này là phù hợp pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự, sửa án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa, các đương sự tự nguyện thỏa thuận với nhau việc giải quyết vụ án, việc tự nguyện thỏa thuận của các đương sự không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự, sửa án sơ thẩm, công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự, là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[2] Về án phí:

- Án phí sơ thẩm: Bà H được chia 350.000.000đ nên phải chịu án phí 5% là 17.500.000đ; ông S được chia 153.000.000đ nên phải chịu án phí là 5% là 7.650.000đ. Miễn án phí cho ông C do là người cao tuổi.

- Án phí phúc thẩm: Các đương sự phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sửa bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 87/2023/HNGĐ-ST ngày 20/9/2023 của Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ, Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

1. Ông Trần Minh S có nghĩa vụ thanh toán giá trị tài sản chung cho bà Nguyễn Thanh H số tiền 350.000.000đ (Ba trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của nguyên đơn, nếu bị đơn ông S không thanh toán số tiền trên thì bị đơn phải chịu lãi suất chậm trả theo Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

2. Ông Trần Minh S được toàn sử dụng thửa đất số 581, tờ bản đồ số 03, diện tích 103 m<sup>2</sup>, loại đất ODT, đất tọa lạc tại khu V, phường C, quận Ô, thành phố Cần Thơ và quyền sở hữu các tài sản gắn liền trên thửa đất 581.

3. Sau khi ông Trần Minh S thanh toán xong số tiền nêu trên cho bà Nguyễn Thanh H thì bà Nguyễn Thanh H có trách nhiệm trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: Y 517340, sổ vào sổ cấp giấy 00463/QSĐĐ, do UBND quận Ô cấp cho ông Trần Văn C ngày 17/02/2004, đã chỉnh lý sang tên cho ông Trần Minh S ngày 05/02/2015 và trả lại giấy phép xây dựng cũng các giấy tờ có liên quan đến căn nhà trên thửa đất 581 cho ông Trần Minh S.

4. Đình chỉ yêu cầu độc lập của ông Trần Văn C.

5. Về chi phí tố tụng: Ông Trần Minh S có trách nhiệm trả lại cho bà H số tiền 5.000.000đ.

6. Về án phí:

- *Án phí sơ thẩm:*

Ông Trần Minh S chịu 7.650.000đ đồng án phí.

Bà Nguyễn Thị H2 phải chịu 17.500.000đ đồng án phí, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí bà H2 đã nộp là 24.000.000 theo biên lai số 0003409 ngày 28/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô Môn, bà H2 được nhận lại 6.500.000đ tạm ứng án phí còn thừa.

Miễn án phí cho ông C, bà H1 do là người cao tuổi.

- *Án phí phúc thẩm:*

Bà Nguyễn Thanh H phải chịu 300.000đ, được khấu trừ vào 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002319 ngày 10/10/2023. Bà H đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Ông Trần Minh S phải chịu 300.000đ, được khấu trừ vào 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002292 ngày 04/10/2023. Ông S đã nộp đủ án phí phúc thẩm

Miễn án phí phúc thẩm cho ông C, bà H1 do là người cao tuổi.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, và*

*Điều 9; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).*

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

*Nơi nhận:*

- VKSND-TPCT
- TAND Q.Ô Môn
- Chi cục THADS Q.Ô Môn
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Quynh**